TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN V
THÀNH PHỐ M

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/KDTM - ST
Ngày 15-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng
cung ứng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN V, THÀNH PHỐ M

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Võ Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân Quận V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 và ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXX-KDTM ngày 10/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-KDTM ngày 30/3/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 74/2022/QĐST-TNP ngày 28/4/2022 và Quyết định tiếp tục mở phiên tòa xét xử số 13/2022/QĐST-KDTM ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty Cổ phần KL; địa chỉ trụ sở chính: Số 71 đường Nguyễn Xuân Ôn, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố M; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H; người đại diện theo ủy quyền gồm: Bà Nguyễn Hoàng L và bà Phạm Thị Việt A (văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần DG; địa chỉ trụ sở chính: Số 103 đường Lê Đức Thọ, Phường 4, quận V, Thành phố M; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh U.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/04/2021, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần KL (gọi là công ty KL) và Công ty Cổ phần DG (gọi là công ty DG) là đối tác kinh doanh cung cấp, lắp đặt đá Solid Surface. Ngày 14/6/2019 các bên ký hợp đồng cung cấp lắp đặt số 1406/2019/DG-KL giá trị

hợp đồng là 301.977.500 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) và phụ lục hợp đồng số 2806/2019/DG-KL ngày 28/6/2019 với giá trị là 142.990.100 đồng.

Sau khi ký hợp đồng Công ty KL đã hoàn tất công việc lắp đặt đá tại công trình và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0004325 ngày 13/9/2019. Do đó Công ty DG có trách nhiệm thanh toán số tiền là 484.759.000 đồng cho công ty KL. Nhiều lần Công ty KL gửi công văn yêu cầu công ty DG thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ và tiền lãi chậm trả. Đến ngày 28/9/2020 Công ty DG trả số tiền là 183.490.280 đồng, còn nợ số tiền là 301.268.720 đồng và yêu cầu công ty KL cho trả dần đến tháng 12/2020 thanh toán hết nợ. Tuy nhiên từ ngày 14/11/2020 đến ngày 08/02/2021 công ty KL chỉ nhận được số tiền là 100.000.000 đồng. Hiện công ty DG còn nợ công ty KL số tiền là 201.268.720 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty KL yêu cầu Công ty DG thanh toán trả số tiền nợ gốc là 201.268.720 đồng và lãi suất chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 14/10/2019 đến ngày 15/06/2022 như sau: Tiền nợ gốc 201.268.720 x 10 % x 975/365 ngày = 53.763.562 đồng.

Yêu cầu Công ty DG còn phải trả thêm tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 16/6/2022 theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng ngày 14/6/2019 đến khi tất toán hết nợ gốc.

Bị đơn: Tòa án thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp, cung cấp chứng cứ, chứng minh đối chất và hòa giải đối với Công ty Cổ phần DG tại trụ sở chính số 103 đường Lê Đức Thọ, Phường 4, quận V, Thành phố M; người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Thanh U có địa chỉ thường trú tại 103 đường Lê Đức Thọ, Phường 4, quận V, Thành phố M nhưng bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập và không cung cấp chứng cứ chứng minh hoặc phản hồi ý kiến theo đề nghị của nguyên đơn khởi kiện. Nên Tòa án quận V không thu thập được lời khai, chứng cứ từ phía Công ty Cổ phần DG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận V phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được kiểm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty Cổ phần DG có mã số doanh nghiệp: 0305901922-002 được cấp ngày 22/3/2016 tại sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố M, đến nay doanh nghiệp chưa đăng ký giải thể. Ngày 14/6/2019 Công ty KL và Công ty DG ký hợp đồng số 1406/2019/DG-KL, về việc cung cấp, lắp đặt đá Solid Surface nên đây là vụ việc tranh chấp hợp đồng "cung ứng dịch vụ". Bị đơn có trụ sở chính tại quận V nên căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận V, Thành phố M.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân quận V đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập thông báo phiên hòa giải và Quyết định xét xử đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử: Xét thấy từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án xét xử số 54/2022/QĐXX-KDTM ngày 10/3/2022 là không vị phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Vì khi thụ lý hồ sơ ngày 14/5/2021 đến tháng 12/2021, Tòa án nhân dân quận V thực hiện chỉ thị 15 và 16 của Thủ tướng chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố M.

[3] Về yêu cầu đương sự:

Ngày 14/6/2019, Công ty Cổ phần DG (được gọi là bên A tức bên giao thầu) và Công ty Cổ phần KL (được gọi là bên B tức bên nhận thầu) ký hợp đồng số 1406/2019/DG-KL, thực hiện công việc cung cấp và lắp đặt đá Solid Surface tại công trình có giá trị hợp đồng là 301.977.500 đồng (bao gồm thuế và gia trị gia tăng) và phụ lục hợp đồng số 28/06/2019/DG-KL ngày 28/6/2019 có giá trị là 142.990.100 đồng.

Ngày 11/9/2019 Công ty KL thực hiện công trình lắp đặt đá Solid Surface, bàn giao công trình và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0004325. Công ty KL yêu cầu Công ty DG thanh toán tổng giá trị công trình lắp đặt là 484.759.000 đồng.

Ngày 28/9/2020 Công ty Cổ phần DG thanh toán trả Công ty Cổ phần KL số tiền là 183.490.280 đồng, còn nợ số tiền là 301.268.720 đồng và đề nghị Công ty KL cho trả dần các đợt như sau: Tháng 10/2020 trả số tiền là 120.000.000 đồng; tháng 11/2020 trả 120.000.000 đồng và tháng 12/2020 trả 61.268.720 đồng. Tuy nhiên Công ty KL chỉ nhận được số tiền do Công ty DG thanh toán trả như sau: ngày 14/11/2020 trả 30.000.000 đồng; ngày 15/12/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 20/01/2021 thanh toán trả 20.000.000 đồng và ngày 02/02/2021 thanh toán trả 30.000.000 đồng. Đến nay Công ty DG còn nợ Công ty KL số tiền là 201.268.710 đồng.

Như vậy căn cứ hợp đồng số 1406/2019/DG-KL ngày 14/6/2019 và phụ lục hợp đồng số 28/06/2019/DG-KL ngày 28/6/2019, thì Công ty Cổ phần KL đã thi công lắp đặt đá Solid Surface và bàn giao công trình cho Công ty Cổ phần DG nhưng đến nay Công ty Cổ phần DG chưa thanh toán số tiền là

201.268.710 đồng là vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng về thời hạn quyết toán công trình. Công ty Cổ phần KL khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần DG thanh toán số tiền còn nợ là 201.268.720 đồng là có cơ sở chấp nhận (1) theo quy định tại Điều 87 của Luật thương mại năm 2005. Do Công ty Cổ phần DG vi phạm thời hạn thanh toán tại khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng "vi phạm về tiến độ thanh toán thì bên A phải bồi thường mức lãi suất cho vay quá hạn theo quy định của Ngân hàng thương mại trên số tiền chậm thanh toán".

Xét thấy tại thời điểm xét xử lãi xuất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam; Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam có lãi xuất quá hạn cao hơn so với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty Cổ phần KL là 10%. Nên Hội đồng xét xử xét thấy Công ty Cổ phần KL yêu cầu Công ty Cổ phần DG thanh toán trả lãi trên số tiền gốc chậm thanh toán từ ngày 14/10/2019 đến ngày 15/6/2022 như sau: Tiền gốc 201.268.720 x 10 % x 975/365 ngày = 53.763.562 đồng (2) là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra Công ty Cổ phần DG còn phải trả lãi suất phát sinh từ ngày 16/6/2022 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng số 1406/2019/DG-KL ngày 14/6/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí của Tòa án nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 36, Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 74, Điều 85, Điều 87 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần DG trả cho Công ty Cổ phần KL số tiền còn nợ và tiền lãi tổng cộng là 255.032.282 đồng.

Công ty Cổ phần DG còn phải trả lãi suất phát sinh từ ngày 16/6/2022 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng số 1406/2019/DG-KL ngày 14/6/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.Về án phí:

Công ty Cổ phần DG phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 12.751.614 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần KL không phải chịu án phí sơ thẩm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.846.856 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028505 ngày 14/5/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự quận V.

Bản án thi hành ngay khi có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.M;
- VKSND Q.V;
- THA DS Q.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thùy Trang